

Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa Hòa Phát

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa Hòa Phát

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 46

Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa Hòa Phát

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa Hòa Phát ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp ("GCNĐKDN") số 0400459486, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng ("SKHĐT") cấp ngày 12 tháng 1 năm 2004, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("SGDCKHN") với mã HTP theo Quyết định số 27/QĐ-TTGDHC do SGDCKHN cấp ngày 17 tháng 11 năm 2006.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con là dịch vụ in ấn sách và ấn phẩm, cung cấp dịch vụ quản lý, kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, thương mại và dịch vụ.

Công ty có trụ sở chính tại Số 157 Tôn Đức Thắng, Phường Hòa An, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Duy	Chủ tịch
Bà Phạm Thị Thu Hương	Thành viên
Ông Vương Quang Hưng	Thành viên
Ông Phạm Văn Huy	Thành viên
Bà Vũ Lễ Ngọc Hân	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Hoàng Vân	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thu Mai	Thành viên
Ông Hồ Phú Cường	Thành viên

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phạm Văn Huy.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phạm Văn Huy.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa Hòa Phát

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa Hòa Phát ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Phạm Văn Hùng
Tổng Giám đốc

Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

Số tham chiếu: 12931449/66711935-HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa Hòa Phát

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa Hòa Phát ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 29 tháng 8 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 46, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đi kèm.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đó vào ngày 27 tháng 8 năm 2021. Ngoài ra, báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được doanh nghiệp kiểm toán này kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 31 tháng 3 năm 2022.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Quốc Hoàng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2787-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.867.449.301.281	1.201.623.242.485
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	159.265.766.608	89.467.050.819
111	1. Tiền		158.765.766.608	88.967.050.819
112	2. Các khoản tương đương tiền		500.000.000	500.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		300.000.000.000	295.787.671.234
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	295.787.671.234
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	300.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.251.542.733.947	680.214.905.934
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	34.137.064.586	19.811.321.204
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	614.282.979.037	315.793.376.646
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	12.600.000.000	322.600.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	590.522.690.324	22.010.208.084
140	IV. Hàng tồn kho	10	657.485.399	1.044.001.513
141	1. Hàng tồn kho		821.755.215	1.208.271.329
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(164.269.816)	(164.269.816)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		155.983.315.327	135.109.612.985
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	111.743.038	166.469.062
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	18	155.871.572.289	134.870.418.007
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	-	72.725.916

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.041.038.984.155	4.237.384.562.207
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.517.870.500	535.000.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	5.517.870.500	535.000.000.000
220	II. Tài sản cố định		9.662.974.990	6.218.068.946
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	8.791.950.990	5.551.823.946
222	Nguyên giá		33.406.420.264	29.676.929.926
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(24.614.469.274)	(24.125.105.980)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	871.024.000	666.245.000
228	Nguyên giá		953.509.000	736.040.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(82.485.000)	(69.795.000)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		3.992.739.998.398	3.681.114.759.558
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	15.1	3.315.461.227.881	3.063.496.216.712
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15.2	677.278.770.517	617.618.542.846
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	16	515.883.467	1.123.739.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.123.855.592	1.123.855.592
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(607.972.125)	(116.592)
260	V. Tài sản dài hạn khác		32.602.256.800	13.927.994.703
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	27.095.928.504	13.118.140.437
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	29.3	5.506.328.296	809.854.266
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		5.908.488.285.436	5.439.007.804.692

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.572.021.166.872	3.103.813.825.061
310	I. Nợ ngắn hạn		1.787.675.711.765	349.099.381.520
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	65.617.545.122	50.689.104.248
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	15.362.018.717	5.740.877.293
314	3. Phải trả người lao động		1.435.440.435	1.252.172.722
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	92.079.634.677	88.673.607.897
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	20	993.122.974.276	201.793.619.360
320	6. Vay và nợ ngắn hạn	21	620.058.098.538	950.000.000
330	II. Nợ dài hạn		1.784.345.455.107	2.754.714.443.541
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	-	385.000.000.000
338	2. Vay và nợ dài hạn	21	1.454.253.140.380	2.039.622.128.814
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	29.3	330.092.314.727	330.092.314.727
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.336.467.118.564	2.335.193.979.631
410	I. Vốn chủ sở hữu		2.336.467.118.564	2.335.193.979.631
411	1. Vốn cổ phần	22.1	918.049.800.000	918.049.800.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		918.049.800.000	918.049.800.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	22.1	1.686.327.380	1.686.327.380
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	22.1	1.914.347.993	1.914.347.993
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22.1	56.759.536.662	56.485.041.154
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		56.485.041.154	790.535.826
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		274.495.508	55.694.505.328
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	23	1.358.057.106.529	1.357.058.463.104
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		5.908.488.285.436	5.439.007.804.692



Mai Thị Thúy Kiều
Người lập



Đỗ Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Phạm Văn Huy
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
10	1. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	24.1	32.204.590.559	4.026.434.711
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	25	(7.633.503.758)	(3.786.208.500)
20	3. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		24.571.086.801	240.226.211
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	25.911.350.031	1.257.668.025
22	5. Chi phí tài chính	26	(40.591.846.907)	(555.849.831)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(37.179.768.384)	(529.681.061)
25	6. Chi phí bán hàng	27	(17.000.000)	(19.668.182)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(5.352.432.117)	(4.778.208.726)
30	8. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		4.521.157.808	(3.855.832.503)
31	9. Thu nhập khác	28	190.757.637	56.031.283.587
32	10. Chi phí khác	28	(269.879.739)	(2.827.396)
40	11. (Lỗ) lợi nhuận khác	28	(79.122.102)	56.028.456.191
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.442.035.706	52.172.623.688
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(7.865.370.803)	(69.352.708)
52	14. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	29.3	4.696.474.030	784.962.554
60	15. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		1.273.138.933	52.888.233.534
61	16. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông công ty mẹ		274.495.508	54.049.092.239
62	17. Lợi nhuận (lỗ) thuần sau thuế của cổ đông không kiểm soát	23	998.643.425	(1.160.858.705)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	31	3	599
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	31	3	599



Mai Thị Thúy Kiều
Người lập



Đỗ Tuấn Anh
Kế toán trưởng


M.T.D.N: 0400459438
CÔNG TY CỔ PHẦN
IN SÁCH GIÁO KHOA
HÒA PHÁT
Phạm Văn Huy
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận trước thuế		4.442.035.706	52.172.623.688
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	12, 13	502.053.294	(55.514.449.032)
03	Trích lập (hoàn nhập) dự phòng		607.855.533	(60.777.645)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(24.515.922.491)	(1.225.243.066)
06	Chi phí lãi vay	26	37.179.768.384	529.681.061
08	Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		18.215.790.426	(4.098.164.994)
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(353.464.402.495)	2.201.744.824
10	Tăng hàng tồn kho		(323.617.623.451)	(348.931.147.257)
11	Tăng các khoản phải trả		408.258.611.375	62.784.524.898
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		10.084.821.355	(1.259.681.650)
13	Giảm (tăng) chứng khoán kinh doanh		295.787.671.234	(299.210.958.905)
14	Tiền lãi vay đã trả		(32.877.849.734)	(1.962.463.208)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	(98.024.022)	(32.667.901)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		22.288.994.688	(590.508.814.193)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(3.531.990.338)	(7.206.781.934)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		-	272.727.273
23	Tiền gửi tiết kiệm		(300.000.000.000)	-
24	Tiền thu hồi cho vay		310.000.000.000	295.505.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		-	(466.107.990.423)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	196.040.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay, lãi từ hoạt động hợp tác đầu tư		19.643.698.107	727.015.741
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		26.111.707.769	(176.613.989.343)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	902.660.774.626
33	Tiền thu từ đi vay	21	21.937.600.000	23.800.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	21	(539.586.668)	(1.737.500.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		21.398.013.332	924.723.274.626
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		69.798.715.789	157.600.471.090
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		89.467.050.819	3.158.680.390
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	159.265.766.608	160.759.151.480



Mai Thị Thúy Kiều
Người lập



Đỗ Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Phạm Văn Huy
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa Hòa Phát (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0400459486, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng (“SKHĐT”) cấp ngày 12 tháng 1 năm 2004, và và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (“TTGDCKHN”) với mã HTP theo Quyết định số 27/QĐ-TTGDHC do SGDCKHN cấp ngày 17 tháng 11 năm 2006.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con là dịch vụ in ấn sách và ấn phẩm, cung cấp dịch vụ quản lý, kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, thương mại và dịch vụ.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng, ngoại trừ các hoạt động phát triển bất động sản dự kiến từ 36 đến 60 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Số 157 Tôn Đức Thắng, Phường Hòa An, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 160 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 109 nhân viên).

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có hai (2) công ty con trực tiếp và ba (3) công ty con gián tiếp với chi tiết như sau:

<i>Công ty</i>	<i>Địa điểm</i>	<i>Ngành nghề kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích (%)</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i>
Công ty con trực tiếp				
Công ty Cổ phần Hưng Vượng Developer	Thành phố Hồ Chí Minh (“TPHCM”)	Kinh doanh bất động sản, thương mại, dịch vụ	62,75	62,75
Công ty Cổ phần In Sách Hòa Phát	TP. Đà Nẵng	In ấn, phát hành sách	52,00	52,00
Công ty con gián tiếp				
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt	TPHCM	Kinh doanh bất động sản, thương mại, dịch vụ	38,84	61,90
Công ty TNHH Hưng Vượng AMC	TPHCM	Kinh doanh bất động sản, thương mại, dịch vụ	50,30	99,00
Công ty TNHH Hưng Vượng Hospitality	TPHCM	Kinh doanh bất động sản, thương mại, dịch vụ	44,28	99,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc dưới ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Nhóm Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí kế hoạch, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Hàng tồn kho khác

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--------------------------------------|---|---|
| Nguyên vật liệu | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao và hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản vô hình khi Nhóm Công ty nắm giữ đất này để sử dụng trong sản xuất, kinh doanh cung cấp dịch vụ và Nhóm công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng. Quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng không thời hạn thì không khấu hao.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Quyền sử dụng đất được khấu trừ dựa trên thời gian sử dụng hữu ích, ngoại trừ quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng vô thời hạn thì không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	8 - 15 năm
Máy móc, thiết bị	15 - 17 năm
Phương tiện vận tải	10 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 10 năm
Phần mềm vi tính	5 năm
Quyền sử dụng đất	Không tính khấu hao

3.7 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ:

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn và được sử dụng trên một năm;
- ▶ Nhà mẫu;
- ▶ Chi phí hoa hồng môi giới; và
- ▶ Các chi phí trả trước khác với lợi ích kinh tế được tạo ra trong hơn một (1) năm và được phân bổ trong khoảng thời gian không quá ba (3) năm.

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm bất động sản đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền thuê đất trả trước;
- ▶ Chi phí bồi thường, hỗ trợ di dời;
- ▶ Chi phí xây dựng và phát triển dự án; và
- ▶ Chi phí đi vay, chi phí lập kế hoạch và thiết kế, chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí cho các dịch vụ pháp lý chuyên nghiệp, thuê chuyển nhượng bất động sản, chi phí xây dựng và các chi phí khác có liên quan.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.9 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính tối đa là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

► *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.19 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Nhóm Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực là cung cấp dịch vụ bất động sản và dịch vụ in ấn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tiền mặt	912.906.240	2.837.467.013
Tiền gửi ngân hàng	157.852.860.368	86.129.583.806
Các khoản tương đương tiền (*)	500.000.000	500.000.000
TỔNG CỘNG	159.265.766.608	89.467.050.819

(*) Khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có thời hạn gốc dưới ba tháng và hưởng lãi suất 3,55%/năm. Nhóm Công ty đã thế chấp số tiền là 148.870.562.641 VND nhằm đảm bảo cho khoản trái phiếu (Thuyết minh số 21.3).

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Đây là các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên ba tháng và kỳ hạn còn lại dưới mười hai tháng với lãi suất 5%/năm.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Công ty TNHH Tây Sơn Long Hải	32.486.666.666	19.286.666.666
Công ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Giáo Dục Đà Nẵng	1.356.945.802	363.101.362
Công ty Cổ Phần Sách Giáo Dục Tại Thành Phố Đà Nẵng	163.902.318	-
Nhà Xuất Bản Giáo Dục Tại Thành Phố Đà Nẵng	129.549.800	161.553.176
TỔNG CỘNG	34.137.064.586	19.811.321.204

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ông Hồ Quang Tâm (*)	604.380.027.397	230.000.000.000
Công ty TNHH Nghĩa Phan	1.964.490.000	1.964.490.000
Công ty TNHH NDA Việt Nam	1.200.000.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Hưng Phát	-	77.533.281.600
Khác	6.738.461.640	6.295.605.046
TỔNG CỘNG	614.282.979.037	315.793.376.646
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	<i>604.380.027.397</i>	<i>230.000.000.000</i>
<i>Trả trước cho các bên khác</i>	<i>9.902.951.640</i>	<i>85.793.376.646</i>

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 508/2021/NQ-ĐHĐCĐ/HVD ngày 5 tháng 8 năm 2021 của công ty Cổ phần Hưng Vượng Developer ("HVD"), công ty con của Công ty, các cổ đông của HVD đã thông qua phương án nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tương đương với 100% vốn điều lệ công ty Cổ phần Cổ Kim Mỹ Nghệ từ Ông Hồ Quang Tâm. Theo đó, Nhóm Công ty đã tạm ứng cho ông Hồ Quang Tâm theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần có điều kiện số 0508/HDCN/TAM-HVD ngày 5 tháng 8 năm 2021 giữa ông Hồ Quang Tâm và Nhóm Công ty.

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	VND				
<i>Bên vay</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Mục đích cho vay</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất</i>
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Xuân Thiên	<u>12.600.000.000</u>	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp	Trong vòng 15 ngày kể từ ngày bên vay nhận được vận bản yêu cầu trả gốc của bên cho vay	8,0%/ năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngắn hạn	590.522.690.324	22.010.208.084
Phải thu từ gốc và lãi từ thanh lý từ Hợp đồng		
Hợp tác Kinh doanh ("HDHTKD") (i)	549.875.000.000	-
Phải thu về phí quản lý dự án		
Seaview Pavillon	15.000.000.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	13.772.131.595	5.789.245.642
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.225.164.935	1.795.139.730
Phải thu về lãi chậm thanh toán	4.113.131.560	2.649.740.876
Các khoản chi hộ	137.060.000	140.752.500
Phải thu về lãi đầu tư trái phiếu	-	10.954.520.548
Khác	400.202.234	680.808.788
Dài hạn	5.517.870.500	535.000.000.000
Đặt cọc, ký quỹ	5.517.870.500	5.000.000.000
Phải thu từ HDHTKD (i)	-	530.000.000.000
TỔNG CỘNG	596.040.560.824	557.010.208.084
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác cho các bên khác</i>	<i>586.701.137.824</i>	<i>551.243.272.158</i>
<i>Phải thu khác cho các bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 30)</i>	<i>9.339.423.000</i>	<i>5.766.935.926</i>

- (i) Đây là khoản phải thu về Hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Thương mại Tư vấn Đầu tư Xây dựng Bách Khoa Việt ("Bách Khoa Việt") theo Nghị quyết số 25.08/2020/NQĐHĐCĐ-DV ngày 25 tháng 8 năm 2020. Theo đó, Nhóm Công ty hợp tác để thực hiện Dự án Nhà máy pha chế xăng nhiên liệu sinh học E5 với quy mô 12-15 triệu lít/năm và kho chứa xăng dầu với sức chứa 155.000 m³ tại Khu công nghiệp hậu cần Cảng Tam Hiệp thuộc địa bàn Khu kinh tế mở Chu Lai tỉnh Quảng Nam với tỷ lệ đầu tư không vượt quá 45% tổng mức đầu tư của dự án. Tổng mức đầu tư của Dự án là 1.500.000.000.000 VND.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Nhóm Công ty đã đầu tư 530.000.000.000 VND. Trong đó, Ông Lại Minh Hậu ủy thác cho Nhóm Công ty để hợp tác đầu tư với Bách Khoa Việt với tổng giá trị là 385.000.000.000 VND (Thuyết minh số 20).

Theo Phụ lục số 1 HDHTĐT ngày 10 tháng 2 năm 2022, do dự án đã đi chậm tiến độ so với kế hoạch đề ra, Nhóm Công ty sẽ nhận khoản hỗ trợ lãi từ Bách Khoa Việt trên số tiền góp vốn với mức lãi suất là 10%/năm kể từ ngày 15 tháng 2 năm 2022 cho đến khi dự án đi vào hoạt động vận hành. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Nhóm Công ty ghi nhận lãi phải thu với số tiền là 5.437.500.000 VND (Thuyết minh số 24.2).

Vào ngày 22 tháng 8 năm 2022, Nhóm Công ty và Bách Khoa Việt đồng ý thanh lý Hợp đồng Hợp tác đầu tư thực hiện Dự án Nhà máy pha chế xăng nhiên liệu sinh học E5 trên. Bách Khoa Việt sẽ hoàn trả khoản đầu tư và khoản lãi hợp tác cho Nhóm Công ty theo thời hạn quy định trong Hợp đồng thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Nguyên liệu, vật liệu	426.822.742	378.713.287
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	274.950.246	740.859.148
Hàng hoá	88.698.894	88.698.894
Công cụ, dụng cụ	31.283.333	-
TỔNG CỘNG	821.755.215	1.208.271.329
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(164.269.816)	(164.269.816)
GIÁ TRỊ THUẦN	657.485.399	1.044.001.513

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Số đầu kỳ	(164.269.816)	(69.791.436)
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	-	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	(164.269.816)	(69.791.436)

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngắn hạn	111.743.038	166.469.062
Chi phí sửa chữa tài sản	73.883.782	110.998.802
Công cụ, dụng cụ	8.620.208	24.321.566
Khác	29.239.048	31.148.694
Dài hạn	27.095.928.504	13.118.140.437
Chi phí môi giới	23.266.819.281	10.848.390.427
Công cụ, dụng cụ	2.258.963.621	864.069.550
Chi phí sửa chữa tài sản	1.393.003.279	1.159.647.124
Khác	177.142.323	246.033.336
TỔNG CỘNG	27.207.671.542	13.284.609.499

Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa Hòa Phát

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyên	Thiết bị văn phòng	VND
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	5.704.591.937	18.819.785.131	5.069.592.858	82.960.000	29.676.929.926
Mua mới	-	586.193.636	2.711.711.702	431.585.000	3.729.490.338
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	5.704.591.937	19.405.978.767	7.781.304.560	514.545.000	33.406.420.264
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	5.490.891.937	16.294.375.676	142.142.858	-	21.927.410.471
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	(5.632.226.149)	(17.718.504.453)	(766.628.707)	(7.746.671)	(24.125.105.980)
Khấu hao trong kỳ	(7.003.140)	(105.521.210)	(364.459.617)	(12.379.327)	(489.363.294)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	(5.639.229.289)	(17.824.025.663)	(1.131.088.324)	(20.125.998)	(24.614.469.274)
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	72.365.788	1.101.280.678	4.302.964.151	75.213.329	5.551.823.946
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	65.362.648	1.581.953.104	6.650.216.236	494.419.002	8.791.950.990
Trong đó:					
Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (Thuyết minh số 21.2)	-	-	6.650.216.236	-	6.650.216.236

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm vi tính</i>	<i>VND</i> <i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	609.140.000	126.900.000	736.040.000
Mua mới	-	217.469.000	217.469.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>609.140.000</u>	<u>344.369.000</u>	<u>953.509.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	-	(69.795.000)	(69.795.000)
Hao mòn trong kỳ	-	(12.690.000)	(12.690.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>-</u>	<u>(82.485.000)</u>	<u>(82.485.000)</u>
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>609.140.000</u>	<u>57.105.000</u>	<u>666.245.000</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>609.140.000</u>	<u>261.884.000</u>	<u>871.024.000</u>

14. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022, Nhóm Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay với tổng số tiền là 103.700.706.341 VND (cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021: 85.808.845.920 VND). Các khoản chi phí đi vay này liên quan đến khoản vay nhằm đầu tư hình thành tài sản liên quan đến Khu du lịch sinh thái biển cao cấp Lạc Việt. Chi phí đi vay đã vốn hóa bao gồm tiền lãi, chi phí liên quan đến việc thu xếp các khoản vay sau khi đã trừ đi lãi nhận được từ khoản tiền vay đã rút về nhưng chưa sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

15.1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Dự án kinh doanh Bất động sản tại Khu du lịch sinh thái cao cấp Lạc Việt (*)	<u>3.291.453.344.483</u>	<u>3.063.496.216.712</u>

(*) Đây là dự án kinh doanh Bất động sản tại Khu hợp phần I thuộc Dự án Khu du lịch sinh thái biển cao cấp Lạc Việt do Nhóm Công ty làm chủ đầu tư có tổng diện tích 256.296 m², trong đó diện tích đất ở kinh doanh là 128.860,63 m². Trong đó, số dư chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn bao gồm giá trị tăng thêm do định giá là 1.196.983.814.646 VND.

Toàn bộ tài sản, quyền tài sản và các quyền, lợi ích hiện hữu và phát sinh trong tương lai từ việc đầu tư, phát triển, khai thác, tiêu thụ sản phẩm tại Dự án Khu du lịch sinh thái biển cao cấp Lạc Việt tại xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận (Thuyết minh số 21.3).

15.2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Dự án Khu thương mại, dịch vụ thuộc Khu du lịch sinh thái biển cao cấp Lạc Việt (**)	<u>677.278.770.517</u>	<u>617.618.542.846</u>

(**) Đây là dự án Khu thương mại, dịch vụ tại khu hợp phần II thuộc Dự án Khu du lịch sinh thái biển cao cấp Lạc Việt do Nhóm Công ty làm chủ đầu tư có tổng diện tích 463.888,3 m², trong đó diện tích đất kinh doanh thương mại dịch vụ là 208.050,58 m². Trong đó, số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn bao gồm giá trị tăng thêm do định giá là 453.477.758.988 VND.

Toàn bộ tài sản, quyền tài sản và các quyền, lợi ích hiện hữu và phát sinh trong tương lai từ việc đầu tư, phát triển, khai thác, tiêu thụ sản phẩm tại Dự án Khu du lịch sinh thái biển cao cấp Lạc Việt tại xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận (Thuyết minh số 21.3).

Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa Hòa Phát

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào đơn vị khác này như sau:

Tên đơn vị	Hoạt động chính	Ngày 30 tháng 6 năm 2022			Ngày 31 tháng 12 năm 2021		
		Giá gốc đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị ghi sổ (VND)	Giá gốc đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị ghi sổ (VND)
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai	Xây dựng các công trình giao thông, Quản lý duy tu và sửa chữa cầu đường bộ	1.033.663.000	(547.868.333)	485.794.667	1.033.663.000	-	1.033.663.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Quảng Ngãi	In và phát hành sách tham khảo	60.000.000	(60.000.000)	-	60.000.000	-	60.000.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	In và phát hành sách tham khảo	30.000.000	-	30.000.000	30.000.000	-	30.000.000
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Hà Nội	In và phát hành sách tham khảo	192.592	(103.792)	88.800	192.592	(116.592)	76.000
TỔNG CỘNG		1.123.855.592	(607.972.125)	515.883.467	1.123.855.592	(116.592)	1.123.739.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Bà Ngô Võ Thanh Hằng	15.949.140.000	18.514.140.000
Ông Võ Văn Đài	15.735.710.000	16.768.710.000
Công ty TNHH Xây Dựng Hưng Phát	6.350.408.956	-
Công ty TNHH Xây Dựng Quảng Cáo Kim Ngân	3.657.960.000	-
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Đỉnh Việt	3.194.984.339	3.194.984.339
Marriott International Design and Construction Services, Inc.	2.308.000.000	2.308.000.000
Công ty TNHH Artelia Việt Nam	2.107.800.000	1.320.000.000
Khác	16.313.541.827	8.583.269.909
TỔNG CỘNG	65.617.545.122	50.689.104.248

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	134.870.418.007	25.172.699.205	(4.171.544.923)	155.871.572.289
Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")	72.725.916	98.024.022	(170.749.938)	-
TỔNG CỘNG	134.943.143.923	25.270.723.227	(4.342.294.861)	155.871.572.289
Phải trả				
Thuế TNDN	2.572.945.048	7.767.346.781	-	10.340.291.829
Thuế thu nhập cá nhân	1.308.244.735	1.951.059.663	(12.971.357)	3.246.333.041
Thuế giá trị gia tăng	1.859.287.510	4.613.695.319	(4.697.588.982)	1.775.393.847
Các loại thuế khác	400.000	-	(400.000)	-
TỔNG CỘNG	5.740.877.293	14.332.101.763	(4.710.960.339)	15.362.018.717

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Chi phí lãi vay trái phiếu phải trả	91.979.634.677	88.389.830.126
Các khoản chi phí hoạt động khác	100.000.000	283.777.771
TỔNG CỘNG	92.079.634.677	88.673.607.897

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngắn hạn	993.122.974.276	201.793.619.360
Đặt cọc của khách hàng dự án Lạc Việt	401.008.086.600	137.771.607.715
Phải trả về nhận ủy thác đầu tư hộ (Thuyết minh số 9)	385.000.000.000	-
Phải trả về mượn vốn hoạt động	184.676.705.876	52.707.817.893
Ký quỹ đã nhận	16.600.000.000	4.400.000.000
Khác	5.838.181.800	6.914.193.752
Dài hạn	-	385.000.000.000
Phải trả về nhận ủy thác đầu tư hộ (Thuyết minh số 9)	-	385.000.000.000
TỔNG CỘNG	993.122.974.276	586.793.619.360
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	<i>569.676.705.876</i>	<i>437.707.817.893</i>
<i>Phải trả khác cho các bên khác</i>	<i>423.446.268.400</i>	<i>149.085.801.467</i>

Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa Hòa Phát

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Phân loại lại	Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	Số cuối kỳ
Ngắn hạn	950.000.000	20.000.000.000	(475.000.000)	599.583.098.538	-	620.058.098.538
Vay cá nhân (Thuyết minh số 21.1)	-	20.000.000.000	-	-	-	20.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21.2)	950.000.000	-	(475.000.000)	862.520.008	-	1.337.520.008
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21.4)	-	-	-	598.720.578.530	-	598.720.578.530
Dài hạn	2.039.622.128.814	1.937.600.000	(64.586.668)	(599.583.098.538)	12.341.096.772	1.454.253.140.380
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.2)	2.137.500.000	1.937.600.000	(64.586.668)	(862.520.008)	-	3.147.993.324
Trái phiếu dài hạn (Thuyết minh số 21.3)	2.037.484.628.814	-	-	(598.720.578.530)	12.341.096.772	1.451.105.147.056
TỔNG CỘNG	2.040.572.128.814	21.937.600.000	(539.586.668)	-	12.341.096.772	2.074.311.238.918

VND

Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa Hòa Phát

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

21.1 Vay ngắn hạn từ cá nhân

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ cá nhân như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ông Ngô Trí Đức	20.000.000.000	Ngày 6 tháng 1 năm 2023	Bổ sung vốn hoạt động kinh doanh	12%	Tín chấp

21.2 Vay dài hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Vạn Hạnh	2.612.500.000	Từ ngày 26 tháng 7 năm 2022 đến ngày 26 tháng 1 năm 2025	Mua ô tô	10,95	Xe ô tô (Thuyết minh số 12)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Gia Định	1.873.013.332	Từ ngày 26 tháng 7 năm 2022 đến ngày 26 tháng 4 năm 2027	Mua ô tô	8	Hai xe ô tô (Thuyết minh số 12)

TỔNG CỘNG

4.485.513.332

Trong đó:

Vay dài hạn
Vay dài hạn đến hạn trả

3.147.993.324

1.337.520.008

Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa Hòa Phát

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

21.3 Trái phiếu dài hạn

Chi tiết khoản trái phiếu dùng để tài trợ và phát triển Dự án Khu du lịch sinh thái biển cao cấp Lạc Việt như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Số tiền (VND)	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp
Công ty Cổ phần Thương Mại Và Dịch Vụ Danh Việt	1.500.000.000.000	48 tháng kể từ ngày phát hành	12%/năm kỳ trả lãi đầu tiên và 5% cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng lĩnh lãi cuối kỳ	- Toàn bộ tài sản, quyền tài sản và các quyền, lợi ích hiện hữu và phát sinh trong tương lai từ việc đầu tư, phát triển, khai thác, tiêu thụ sản phẩm tại Dự án Khu du lịch sinh thái biển cao cấp Lạc Việt tại xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận; (Thuyết minh số 15) - Toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt; và - Các tài sản khác thuộc quyền sở hữu/sử dụng của tổ chức phát hành hoặc Bên thứ ba (Thuyết minh số 4)
Chi phí phát hành trái phiếu	(90.300.000.000)			
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	41.405.147.056			
	<u>1.451.105.147.056</u>			

Vào ngày 28 tháng 8 năm 2020 và ngày 31 tháng 8 năm 2020, Nhóm Công ty đã phát hành tổng cộng là 15.000 trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo và không có bảo lãnh thanh toán với tổng giá trị 1.500.000.000.000 VND (mệnh giá 100.000.000 VND/trái phiếu).

Các trái phiếu này được hoàn trả sau 48 tháng kể từ ngày phát hành và được mua lại một lần vào ngày đáo hạn.

Tổng số tiền thu từ đợt phát hành này được sử dụng để phát triển Dự án "Khu du lịch biển cao cấp Lạc Việt" tại xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa Hòa Phát

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

21.4 Trái phiếu dài hạn đến hạn trả

Chi tiết khoản trái phiếu dài hạn đến hạn trả dùng để mua Công ty con như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Số tiền (VND)	Ngày đáo hạn	Mục đích	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp
Công ty Cổ phần Hưng Vượng Developer	600.000.000.000	Ngày 2 tháng 2 năm 2023	Thực hiện mua 100% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cổ Kim Mỹ Nghệ	12%	- Vốn cổ phần Công ty Cổ phần Cổ Kim Mỹ Nghệ sở hữu bởi Ông Hồ Quang Tâm; - Các quyền sử dụng đất của dự án Hodota
Chi phí phát hành trái phiếu	(2.701.857.534)				
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	1.422.436.064				
TỔNG CỘNG	598.720.578.530				

Vào ngày 2 tháng 8 năm 2021, Nhóm Công ty đã phát hành 6.000 trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo với tổng giá trị 600.000.000.000 tỷ VND (mệnh giá 100.000.000 đồng/ trái phiếu).

Các trái phiếu này được hoàn trả sau mười tám (18) tháng kể từ ngày phát hành và được mua lại một lần vào ngày đáo hạn.

Tổng số tiền thu từ đợt phát hành này được sử dụng để thực hiện nhận chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần tương ứng với 100% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cổ Kim Mỹ Nghệ - Chủ đầu tư dự án Sân xuất kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu và khu du lịch nghỉ dưỡng tại xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam (Dự án Hodota).

Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa Hòa Phát

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

VND

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	18.049.800.000	(60.093.500)	(914.353.746)	1.914.347.993	790.535.826	19.780.236.573
Tăng vốn trong kỳ	900.000.000.000	(64.135.374)	-	-	-	899.935.864.626
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	1.810.556.254	914.353.746	-	-	2.724.910.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	54.049.092.239	54.049.092.239
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	918.049.800.000	1.686.327.380	-	1.914.347.993	54.839.628.065	976.490.103.438
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	918.049.800.000	1.686.327.380	-	1.914.347.993	56.485.041.154	978.135.516.527
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	274.495.508	274.495.508
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	918.049.800.000	1.686.327.380	-	1.914.347.993	56.759.536.662	978.410.012.035

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Chi tiết vốn cổ phần

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022			Ngày 31 tháng 12 năm 2021		
	Số lượng cổ phần	Giá trị VND'000	% sở hữu	Số lượng cổ phần	Giá trị VND'000	% sở hữu
Võ Mỹ Tiên	25.000.000	250.000.000	27,23	25.000.000	250.000.000	27,23
Mai Lê Hồng Sương	22.400.000	224.000.000	24,40	22.400.000	224.000.000	24,40
Nguyễn Thị Kim Hiếu	21.000.000	210.000.000	22,87	25.000.000	250.000.000	27,23
Các cổ đông khác	23.404.980	234.049.800	25,50	19.404.980	194.049.800	21,14
TỔNG CỘNG	91.804.980	918.049.800	100,00	91.804.980	918.049.800	100,00

22.3 Tình hình tăng giảm vốn cổ phần

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Vốn cổ phần		
Vốn góp đầu kỳ	918.049.800.000	18.049.800.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	900.000.000.000
Vốn góp cuối kỳ	<u>918.049.800.000</u>	<u>918.049.800.000</u>

22.4 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Cổ phiếu đã được duyệt	91.804.980	91.804.980
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	91.804.980	91.804.980
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	91.804.980	91.804.980

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Toàn bộ cổ phiếu đang lưu hành là cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông của Nhóm Công ty được hưởng cổ tức do Nhóm Công ty công bố. Mỗi cổ phần phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Số dư đầu kỳ	1.357.058.463.104	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	1.357.077.771.319
Lợi nhuận (lỗ) thuần trong kỳ	<u>998.643.425</u>	<u>(1.160.858.705)</u>
Số dư cuối kỳ	<u>1.358.057.106.529</u>	<u>1.355.916.912.614</u>

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Doanh thu quản lý dự án	27.000.000.000	-
Doanh thu in ấn	5.134.694.263	3.727.288.493
Doanh thu khác	<u>69.896.296</u>	<u>299.146.218</u>
TỔNG CỘNG	<u>32.204.590.559</u>	<u>4.026.434.711</u>

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	19.078.422.490	1.188.525.233
Lãi từ thanh lý Hợp đồng hợp tác kinh doanh	5.437.500.000	-
Lãi tiền phạt chậm thanh toán	1.395.390.684	-
Khác	<u>36.857</u>	<u>69.142.792</u>
TỔNG CỘNG	<u>25.911.350.031</u>	<u>1.257.668.025</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Giá vốn in ấn	4.615.805.310	3.762.332.074
Giá vốn quản lý dự án	3.016.989.830	-
Giá vốn của hoạt động khác	708.618	23.876.426
TỔNG CỘNG	<u>7.633.503.758</u>	<u>3.786.208.500</u>

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí lãi vay trái phiếu và ngân hàng	37.179.768.384	529.681.061
Chi phí hỗ trợ khách hàng vay ngân hàng	2.804.222.990	-
Trích lập (hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư	607.855.533	(60.777.645)
Khác	-	86.946.415
TỔNG CỘNG	<u>40.591.846.907</u>	<u>555.849.831</u>

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí bán hàng	17.000.000	19.668.182
Chi phí bằng tiền khác	17.000.000	18.009.091
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	1.659.091
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.352.432.117	4.778.208.726
Chi phí lương nhân viên	2.417.060.862	3.824.533.360
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.563.485.475	204.300.509
Chi phí khấu hao	320.655.624	349.475.262
Khác	51.230.156	399.899.595
TỔNG CỘNG	<u>5.369.432.117</u>	<u>4.797.876.908</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Thu nhập khác	190.757.637	56.031.283.587
Lãi từ phạt vi phạm hợp đồng	179.663.366	-
Lãi từ giao dịch mua rẻ	-	55.952.599.995
Khác	11.094.271	78.683.592
Chi phí khác	(269.879.739)	(2.827.396)
Tiền phạt	(175.515.653)	(2.127.396)
Khác	(94.364.086)	(700.000)
(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC	(79.122.102)	56.028.456.191

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Chi phí thuế TNDN

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Thuế TNDN năm nay	7.767.346.781	69.352.708
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu từ các năm trước	98.024.022	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.865.370.803	69.352.708
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(4.696.474.030)	(784.962.554)
TỔNG CỘNG	3.168.896.773	(715.609.846)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.442.035.706	52.172.623.688
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	888.407.141	10.434.524.738
<i>Các khoản điều chỉnh</i>		
Chi phí không được trừ	2.092.676.327	35.082.590
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu từ các năm trước	98.024.022	-
Thu nhập không chịu thuế	-	(11.190.519.999)
Khác	89.789.283	5.302.825
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN	3.168.896.773	(715.609.846)

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
				VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Thuế TNDN đã nộp từ các khoản tiền thanh toán theo tiến độ của khách hàng (*)	4.010.100.866	-	4.010.100.866	-
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện loại trừ trên hợp nhất	1.571.931.693	809.854.266	762.077.427	784.962.554
Dự phòng đầu tư	(75.704.263)	-	(75.704.263)	-
	5.506.328.296	809.854.266	4.696.474.030	784.962.554
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Chênh lệch giá trị hợp lý của tài sản mua Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt	(252.318.963.151)	(252.318.963.151)	-	-
Chênh lệch giá trị hợp lý của tài sản mua Công ty Cổ Hưng Vượng Developer	(77.773.351.576)	(77.773.351.576)	-	-
	(330.092.314.727)	(330.092.314.727)		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại tính vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ			4.696.474.030	784.962.554

(*) Đây là khoản tạm nộp thuế của các khoản tiền nhận được từ khách hàng mua bất động sản theo quy định của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 do Bộ Tài Chính ban hành và có hiệu lực từ ngày 2 tháng 8 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Hưng Vượng Developer	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần In Sách Hòa Phát	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Hưng Vượng AMC	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Hưng Vượng Hospitality	Công ty con gián tiếp
Ông Phạm Duy	Chủ tịch HĐQT
Bà Phạm Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT
Ông Vương Quang Hưng	Thành viên HĐQT
Ông Phạm Văn Huy	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Bà Vũ Lã Ngọc Hân	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Hoàng Vân	Trưởng ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Thu Mai	Thành viên ban kiểm soát
Ông Hồ Phú Cường	Thành viên ban kiểm soát
Ông Lại Minh Hậu	Chủ tịch HĐQT công ty con
Ông Lê Quốc Kỳ Quang	Thành viên HĐQT công ty con

Giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Ông Hồ Quang Tâm	Nhân viên chủ chốt công ty	Chuyển khoản phải thu cho vay sang thanh toán chuyển nhượng cổ phần	310.000.000.000	-
		Ứng trước về việc chuyển nhượng cổ phần	64.380.027.397	-
		Thu lãi cho vay	19.301.808.220	-
		Lãi cho vay	18.515.068.494	-
Ông Lê Quốc Kỳ Quang	Thành viên HĐQT công ty con	Mượn vốn hoạt động	120.700.000.000	-
Ông Phạm Văn Huy	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Tạm ứng	8.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan được thể hiện như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND		
			Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
Trả trước cho người bán ngắn hạn					
Ông Hồ Quang Tâm	Nhân viên chủ chốt công ty	Nhận chuyển nhượng cổ phần	604.380.027.397	230.000.000.000	
Phải thu về cho vay ngắn hạn					
Ông Hồ Quang Tâm	Nhân viên chủ chốt công ty	Cho vay	-	310.000.000.000	
Phải thu ngắn hạn khác					
Ông Phạm Văn Huy	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Tạm ứng	8.000.000.000	-	
Ông Lê Quốc Kỳ Quang	Thành viên HĐQT công ty con	Tạm ứng	1.339.423.000	4.980.196.200	
Ông Hồ Quang Tâm	Nhân viên chủ chốt công ty	Tạm ứng	-	786.739.726	
			9.339.423.000	5.766.935.926	
Phải trả khác					
Ông Lại Minh Hậu	Chủ tịch HĐQT công ty con	Nhận ủy thác đầu tư hộ	385.000.000.000	385.000.000.000	
			Mượn vốn hoạt động	63.976.705.876	52.707.817.893
Ông Lê Quốc Kỳ Quang	Thành viên HĐQT công ty con	Mượn vốn hoạt động	120.700.000.000	-	
			569.676.705.876	437.707.817.893	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát được trình bày như sau:

	Chức vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
1. Ông Phạm Duy	Chủ tịch HĐQT	90.800.000	-
2. Bà Phạm Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT	-	-
3. Ông Vương Quang Hưng	Thành viên HĐQT	-	-
4. Ông Phạm Văn Huy	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	162.000.000	-
5. Bà Vũ Lã Ngọc Hân	Thành viên HĐQT	-	-
6. Bà Nguyễn Thị Hoàng Vân	Trưởng Ban kiểm soát	-	-
7. Bà Nguyễn Thị Thu Mai	Thành viên Ban kiểm soát	-	-
8. Ông Hồ Phú Cường	Thành viên Ban kiểm soát	-	-
TỔNG CỘNG		252.800.000	-

31. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Lợi nhuận thuần sau thuế (VND)	274.495.508	54.049.092.239
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	274.495.508	54.049.092.239
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	91.804.980	90.244.265
Lãi cơ bản và lãi suy giảm (VND/cổ phiếu)	3	599

(*) Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty chưa có quyết định phê duyệt trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2022. Do đó, lợi nhuận sau thuế được dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết theo hợp đồng thuê hoạt động

Nhóm Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Dưới một năm	2.519.923.931	-
Từ một đến năm năm	4.438.887.062	-
TỔNG CỘNG	6.958.810.993	-

Cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có khoản cam kết liên quan đến chi phí xây dựng và phát triển các dự án Khu du lịch sinh thái biển cao cấp Lạc Việt với tổng giá trị là 5.931.524.711.085 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 6.019.380.522.105 VND).

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Nhóm Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực là xây dựng và kinh doanh bất động sản; cung cấp các dịch vụ quản lý dự án bất động sản và dịch vụ in ấn sách và ấn phẩm.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Iri Sách Giáo Khoa Hòa Phát

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

	Dịch vụ bất động sản	In ấn	Hoạt động bất động sản	Tổng cộng VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022				
Doanh thu thuần từ khách hàng bên ngoài	27.000.000.000	5.204.590.559	-	32.204.590.559
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận	20.016.095.403	(158.082.990)	(656.357.729)	19.201.654.684
Doanh thu tài chính				25.911.350.031
Chi phí tài chính				(40.591.846.907)
Lỗ khác				<u>(79.122.102)</u>
Lợi nhuận trước thuế				4.442.035.706
Chi phí thuế TNDN				(7.865.370.803)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại				4.696.474.030
Lợi nhuận sau thuế				1.273.138.933
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát				(998.643.425)
Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ				274.495.508
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022				
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	669.823.279.416	20.318.584.861	4.753.058.442.788	5.443.200.307.065
Tài sản không phân bổ				465.287.978.371
Tổng tài sản				5.908.488.285.436
Công nợ bộ phận	852.575.936.157	1.292.830.552	2.718.152.400.163	3.572.021.166.872
Công nợ không phân bổ				-
Tổng công nợ				3.572.021.166.872

Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa Hòa Phát

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

	Dịch vụ bất động sản	In ấn	Kinh doanh bất động sản	Tổng cộng
				VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021				
Doanh thu thuần từ khách hàng bên ngoài	28.192.890	3.998.241.821	-	4.026.434.711
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận	(3.524.023.569)	(583.836.461)	(449.790.667)	(4.557.650.697)
Doanh thu tài chính				1.257.668.025
Chi phí tài chính				(555.849.831)
Lợi nhuận khác				56.028.456.191
Lợi nhuận trước thuế				52.172.623.688
Chi phí thuế TNDN				(69.352.708)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại				784.962.554
Lợi nhuận sau thuế				52.888.233.534
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát				1.160.858.705
Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ				54.049.092.239
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021				
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	581.278.183.872	19.070.901.890	4.451.470.403.611	5.051.819.489.373
Tài sản không phân bổ				387.188.315.319
Tổng tài sản				5.439.007.804.692
Công nợ bộ phận	682.267.839.115	1.707.799.598	2.034.838.186.348	2.718.813.825.061
Công nợ không phân bổ				385.000.000.000
Tổng công nợ				3.103.813.825.061

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngoài sự kiện được trình bày tại Thuyết minh số 9, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Nhóm Công ty.



Mai Thị Thúy Kiều
Người lập



Đỗ Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Phạm Văn Huy
Tổng Giám Đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2022